

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THIỆU HÓA  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2022

V/v: *không công nhận là vợ chồng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu –Thẩm phán.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Lý Thị Thắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Tổ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc *không công nhận là vợ chồng*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Đ H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Ph, anh H. Chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022, bản tự khai ngày 06/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tìm hiểu nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa Ph vào ngày 20/5/1992, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị và anh H không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H không chung thủy nên năm 2021 chị đã làm đơn xin ly hôn, tuy nhiên anh H hứa sửa chữa, chị đã rút đơn

nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay chị Ph xác định không còn tình cảm với anh H, nên chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Về con chung: Chị Ph khai chị và anh H có 02 con chung: Cháu là Lê Văn L, sinh ngày 01/10/1993 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 21/02/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành việc các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2022 anh Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ph xây dựng gia đình với nhau năm 1992 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa Ph nhưng không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, nguyên nhân của việc không đăng ký kết hôn là do anh và chị Ph thiếu hiểu biết về pháp luật. Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Ph bình thường, mâu thuẫn xảy ra mới 02 năm nay, anh và chị Ph sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị Ph làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng, anh H cũng đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Ph.

Về con chung: Anh H khai anh và chị Ph có 02 con chung: Cháu là Lê Văn L, sinh ngày 01/10/1993 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 21/02/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành việc các cháu ở với ai là tùy các cháu, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Ph, anh H. Chị Ph đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Về con chung chị và anh H có 02 con chung: Cháu là Lê Văn L, sinh ngày 01/10/1993 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 21/02/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành việc các cháu ở với ai là tùy các cháu, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14, Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn H.

2. Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ph khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Lê Văn H, anh H có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Đ H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trần Thị Ph đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ph, anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và Anh Lê Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5/1992 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa Ph, nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 16/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tiến hành xác minh tại UBND xã Th D và UBND xã Thiệu Giang. Sau khi làm việc với chính quyền địa Ph hai xã, cả hai xã đều xác nhận hiện tại kiểm tra sổ lưu từ năm 1992 đến nay không có tên chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn H không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Th D và UBND xã Thiệu Giang. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa chị Ph, anh H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Ph đều đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh H. Vì vậy cần áp dụng các quy định Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ph và anh Lê Văn H.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Ph và Anh Lê Văn H đều thừa nhận có 02 con chung là Cháu là Lê Văn L, sinh ngày 01/10/1993 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 21/02/1996, chị Ph đã xuất trình cho Tòa án trích lục khai sinh của cháu Lê Văn L và cháu Lê Văn T có ghi họ tên mẹ là chị Trần Thị Ph, bố là anh Lê Văn H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Lê Văn L và cháu Lê Văn T là con chung của chị Ph, anh H. Song hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị Ph, anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chị Ph, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Ph là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 227; điều 228, điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Trần Thị Ph và Anh Lê Văn H.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005886 ngày 06/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (Chị Ph đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Ph, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

**Lê Thị Thu**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Đạt**